TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:11/2019/KDTM-ST Ngày 18-11-2019 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 620/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 655/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(VPBank); địa chỉ trụ sở: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng P, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ của VPBank - là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 3398/2019/UQ-VPB ngày 13 tháng 4 năm 2019 của VPBank; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ; địa chỉ trụ sở: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Văn T; chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ, là người đại diện theo pháp luật; chức vụ:

Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Đ; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Văn K; nơi ĐKHKTT: Đường C, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường V, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn T; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Duy Q; nơi cư trú: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2019 nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vvà trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(sau đây gọi tắt là (VPBank) và Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ (sau đây gọi tắt là Công ty) ký các Hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ để Công ty vay vốn tại VPBank, theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015 vay: 950.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015 vay: 948.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 vay: 747.500.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thanh toán một phần tiền mua xe đầu kéo; lãi suất: 11,55%/năm, 11,65%/năm, 11,75%/ năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty đã thế chấp những tài sản sau:

Tài sản 1: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS: 15C-210.85 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032015 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/5/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ;

Tài sản 2: 01 Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu TIANJUN, BKS: 15R-112.87 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 010001 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/5/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ;

Tài sản 3: 01 Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS: 15R-085.04 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 005853 do Phòng Cảnh sát giao

thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/7/2015 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ;

Tài sản 4: 01 chiếc xe đầu kéo hiệu INTERNATIONAL, loại PROSTAR; BKS: 15C-159.60 theo thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ;

Tài sản 5: 01 chiếc xe đầu kéo hiệu INTERNATIONAL, loại PROSTAR; BKS: 15C-169.78 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ;

Tài sản 6: 01 chiếc sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS: 15R-093.66 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 005853 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ;

Các tài sản trên được ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 210715-1907214-01-SME/TC ngày 22/07/2015; số 250915-1907214-01-SME/TC ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME/TC ngày 13/06/2016. Ngoài ra, để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty, Ngân hàng và bên bảo lãnh đã ký hợp đồng bảo lãnh, cụ thể như sau: Nghĩa vụ bảo lãnh:

+ Ông Phạm Văn K ký hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/7/2015 với VPBank;

+ Ông Nguyễn Duy Q ký hợp đồng bảo lãnh số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 với VPBank.

+ Ông Đỗ Văn T ký hợp đồng bảo lãnh số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 với VPBank;

Sau khi ký kết hợp đồng, VPBank đã giải ngân theo các kế ước nhận nợ 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 cho Công ty với số tiền là 2.645.500.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty đã trả được cho VPBank số tiền 2.534.614.647 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.904.307.516; nợ lãi 630.307.131 đồng. Từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên, VPBank tiến hành thu giữ tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô đầu kéo BKS: 15C-159.60; 01 chiếc xe đầu kéo BKS: 15C-169.78; 01 chiếc sơ mi rơ mooc BKS: 15R-093.66 và bán đấu giá 03 tài sản trên để thu hồi nợ cho Công ty Đức Q.

Như vậy, đến thời điểm khởi kiện tại Tòa án, tài sản thế chấp còn lại gồm: : 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS: 15C-210.85; 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu TIANJUN, BKS: 15R-112.87; 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS: 15R-085.04. Các tài sản trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần đầu tư vận tải Đức Q.

Mặc dù, VPBank đã thường xuyên đôn đốc, Công ty và các bên bảo lãnh có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời VPBank cũng tạo điều kiện để Công ty và các bên bảo lãnh có kế hoạch trả nợ, tất toán khoản vay, tuy nhiên Công ty vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, VPBank đề nghị Tòa án giải quyết đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đ những nội dung sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần đầu tư Vận tải Đức Q phải thanh toán cho VPBank số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; Hợp đồng tín dụng số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; Hợp đồng tín dụng số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 với tổng số tiền là 972.453.810 đồng; trong đó: Nợ gốc: 741.192.484 đồng; nợ lãi trong hạn: 43.537.419 đồng; nợ lãi quá hạn: 187.723.907 đồng.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Q tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty thanh toán hết nợ cho VPBank.

3. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho VPBank, thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản để thu hồi nợ là: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS: 15C-210.85; 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu TIANJUN, BKS: 15R-112.87; 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS: 15R-085.04.

4. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty để thu hồi nợ.

5. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Phạm Văn K, ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 (theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; Hợp đồng bảo lãnh số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 và số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016).

Quan điểm của bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư Vận tải Đức Q có quan điểm như sau:

Công ty, xác nhận năm 2015, Công ty và VPBank đã ký kết các hợp đồng tín dụng vay vốn tại VPBank tại các Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-

SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thanh toán một phần tiền mua xe đầu kéo.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty đã thế chấp những tài sản sau: 01 xe đầu kéo BKS: 15C-210.85; 01 xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-112.87; 01 chiếc sơ mi rơ mooc BKS: 15R-085.04; 01 xe đầu kéo BKS: 15C-159.60; 01 xe đầu kéo BKS: 15C-169.78; 01 xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-093.66. Các tài sản trên được ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 210715-1907214-01-SME/TC ngày 22/07/201; số 130616-1907214-01-SME/TC ngày 13/06/2016.

Ngoài ra, để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Phạm Văn K, ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016.Việc ký kết các hợp đồng bảo lãnh trên là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, VPBank đã giải ngân cho Công ty với số tiền là: 2.645.500.000 đồng. Công ty đã trả được cho Ngân hàng số tiền: 2.534.614.647 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.904.307.516; nợ lãi 630.307.131 đồng. Từ năm 2017 cho đến nay do làm ăn kém hiệu quả, nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VPBank đã giữ 03 tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô BKS: 15C-159.60; 01 xe đầu kéo BKS: 15C-169.78; 01 chiếc sơ mi rơ mooc BKS: 15R-093.66 và bán đấu giá 03 tài sản khấu trừ để thu hồi nợ cho Công ty.

Do đó, tài sản thế chấp đến thời điểm VPBank khởi kiện còn lại là: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu BKS: 15C-210.85; 01 xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-112.87; 01 chiếc sơ mi rơ mooc BKS: 15R-085.04. Các tài sản bảo đảm trên thuộc quyền sở hữu của Công ty đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; vẫn hoạt động, không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức, không sang tên chuyển nhượng, nên Công ty không đề nghị Tòa án thẩm định tài sản bảo đảm.

Nay, Ngân hàng khởi kiện Công ty, quan điểm của Công ty như sau: Công ty Cổ phần Đầu tư vận tải Đức Qxác nhận và thanh toán trả cho VPBank theo các Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016, tạm tính đến ngày 18/11/2019 với tổng số tiền nợ là 972.453.810 đồng; trong đó: Nợ gốc: 741.192.484 đồng; nợ lãi trong hạn: 43.537.419 đồng; nợ lãi quá hạn: 187.723.907 đồng; Công ty tiếp tục phải trả khoản tiền lãi theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty thanh toán hết nợ cho VPBank; Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho VPBank, thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản là: 01 xe

đầu kéo, BKS: 15C-210.85; 01 xe Sơ mi rơ mooc BKS: 15R-112.87; 01 xe Sơ mi rơ mooc, BKS: 15R-085.04 để thu hồi nợ; Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Phạm Văn K, ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 (theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

+ Ông Phạm Văn K, xác nhận trước là cổ đông của Công ty. Do Công ty có nhu cầu vay vốn VPBank để kinh doanh nên ông đã ký hợp đồng bảo lãnh tài sản số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/7/2015 với nội dung: Đồng ý, bằng tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty đối với VPBank. Sau đó, ông đã bán cổ phần và rút khỏi Công ty nên ông không liên quan đến khoản bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay của Công ty đối với VPBank. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 11/10/2019 ông Phạm Văn K sau khi đã được đọc biên bản đã không ký có sự chứng kiến của các đương sự.

+ Ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q, xác nhận đã ký hợp đồng bảo lãnh số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 với nội dung: Đồng ý, bằng tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty đối với VPBank.Việc trả nợ thuộc về trách nhiệm của Công ty. Trong trường hợp Công ty không trả nợ được thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 370/TA-NQ đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cung cấp cho Tòa án thông tin của các xe nói trên của Công ty. Tại Phiếu trả lời xác minh ngày 19/7/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cung cấp các xe nói trên vẫn mang tên Công ty và chưa sang tên, chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vvà Công ty đều xác nhận các tài sản bảo đảm trên vẫn do Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qquản lý, sử dụng, chưa sang tên cho cá nhân, tổ chức nào, nên không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định tài sản.

Tại phiên toà:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ, tính đến ngày 18/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 với tổng số tiền là 972.453.810 đồng; trong đó: Nợ gốc: 741.192.484 đồng; nợ lãi trong hạn: 43.537.419 đồng; nợ lãi quá hạn: 187.723.907 đồng, và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 36.403.531 đồng;

Công ty tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty thanh toán hết nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho VPBank, thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản để thu hồi nợ là: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS: 15C-210.85; 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu TIANJUN, BKS: 15R-112.87; 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS: 15R-085.04;

Trong trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty để thu hồi nợ;

Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Phạm Văn K, ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại các Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 (theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 và số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016). Công ty phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qvắng mặt đã có bản tự khai, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn T, ông Nguyễn Duy Q vắng mặt đã có bản tự khai, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Phạm Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T, ông Nguyễn Duy Q thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, ông Phạm Văn K không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập chứng cứ trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, Điều 323, khoản 7 Điều 351, Điều 355, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VPBank: Buộc: Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qphải trả cho VPBank tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/11/2019 với tổng số tiền nợ là 972.453.810 đồng; trong đó: Nợ gốc: 741.192.484 đồng; nợ lãi trong hạn: 43.537.419 đồng; nợ lãi quá hạn: 187.723.907 đồng;

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho VPBank, thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản để thu hồi nợ là: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu BKS: 15C-210.85; 01 xe Sơ mi rơ mooc, BKS: 15R-112.87; 01 xe Sơ mi rơ mooc, BKS: 15R-085.04;

Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty để thu hồi nợ;

Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Phạm Văn K, Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại các Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 (theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 và số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016). Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 36.403.531 đồng; Công ty phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về các Hợp đồng tín dụng dài hạn giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vvà bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qkhởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 29 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án. Ngày 27 tháng 8 năm 2019, Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, kể từ ngày 29/8/2019. Ngày 23 tháng 9 năm 2019, Tòa án ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Đến ngày 11 tháng 10 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, ông Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng:

[4] Các Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 ký giữa nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên các hợp đồng là

hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

- Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 7 của các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử ngày 18/11/2019. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 741.192.484 đồng.

- Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[6] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ lãi trong hạn: 43.537.419 đồng; nợ lãi quá hạn: 187.723.907 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[7] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn số tiền phạt chậm trả lãi là 36.403.531 đồng, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

- Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng: Xét các Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và Công ty số 210715-1907214-01-SME/TC ngày

22/07/2015 và 130616-1907214-01-SME/TC ngày 13/06/2016 các Hợp đồng bảo số lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBLngày 22/07/2015; số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016; số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 được ký giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T, ông Nguyễn Duy Q, ông Phạm Văn K, thấy:

[8] Các hợp đồng trên đều được các bên ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 122, Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Nên Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VPBank, thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản để thu hồi nợ là: 01 xe đầu kéo, BKS: 15C-210.85; 01 xe Sơ mi rơ mooc, BKS: 15R-112.87; 01 xe Sơ mi rơ mooc, BKS: 15R-085.04. Các tài sản bảo đảm trên đều đứng tên Công ty.

[9] Đối với ý kiến của ông Phạm Văn K: Xác nhận trước là cổ đông của Công ty. Do Công ty có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để kinh doanh nên ông K đã ký hợp đồng bảo lãnh tài sản số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/7/2015 là đúng. Tuy nhiên ông K cho rằng đã bán Cổ phần và rút khỏi Công ty nên không còn liên quan đến khoản bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay của Công ty đối với VPBank, nhận thấy: Tại Hợp đồng bảo lãnh tài sản số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/7/2015 được ký kết giữa nguyên đơn và ông Phạm Văn K là hợp pháp được quy định tại Điều 1: "*Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng*". Do đó, ý kiến của ông Phạm Văn K không còn liên quan đến khoản bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay của Công ty là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Phạm Văn K, ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại các Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 (theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 và số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016).

[11] Do đó, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo trên của Ngân hàng là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[12] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Về án phí:

[13] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[14] Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy cần áp dụng Án lệ 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 122, 124, 323, 342, 351, 355, 361, 369, khoản 1 Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qphải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vtạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 với tổng số tiền là 972.453.810 (chín trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm mười nghìn) đồng; trong đó:

- Nợ gốc: 741.192.484 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 43.537.419 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 187.723.907 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qkhông thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vcó quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại các tài sản sau đây để thu hồi nợ:

Tài sản 1: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL; số khung: SJROCN591277, số máy 5HM2Y4113527, BKS: 15C-210.85 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032015 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/5/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Quang;

Tài sản 2: 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu TIANJUN, số khung 3GE3G0TJV293, BKS: 15R-112.87 theo giấy chứng nhận đăng ký số 010001 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/05/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Quang;

Tài sản 3: 01 xe Sơ mi rơ mooc nhãn hiệu CIMC, số khung: 2389F1018872, BKS: 15R-085.04 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 005853 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/07/2015 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Quang.

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 210715-1907214-01-SME/TC ngày 22/07/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 130616-1907214-01-SME/TC ngày 13/06/2016).

1.3. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qvẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qđể thu hồi nợ.

1.4. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qvẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qtại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vcó quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Phạm Văn K, ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại Hợp đồng tín dụng số 210715-1907214-01-SME ngày 22/07/2015; số 240915-1907214-01-SME ngày 06/10/2015; số 130616-1907214-01-SME ngày 13/06/2016 (theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1907214-02-SME/HĐBL ngày 22/07/2015; hợp đồng bảo lãnh số 230316-1907214-01-SME/HĐBL ngày 13/4/2016 và số 230316-1907214-02-SME/HĐBL ngày 13/4/2016).

1.5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vvề việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qphải trả khoản tiền phạt chậm trả là 36.403.531 đồng.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Qphải chịu tiền án phí sơ thẩm là 41.173.614 (bốn mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm mười bốn) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vđược hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 18.400.000 (mười tám triệu, bốn trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005830 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Đức Quang, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T, ông Nguyễn Duy Q, ông Phạm Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng